

Số: 04/QĐ - HĐQL

Ninh Bình, ngày 29 tháng 09 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình

## HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình;

Căn cứ kết quả xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/QĐ-HĐQL ngày 09/7/2015 của Hội đồng quản lý về việc ban hành Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.



**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, các phòng thuộc Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, TD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

**CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

**Phạm Quang Ngọc**





## QUY CHẾ

### Cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQL ngày 29 tháng 09 năm 2022  
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với các dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.
2. Các khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật vay vốn tại Quỹ.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Khách hàng** là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật vay vốn của Quỹ để thực hiện dự án đầu tư.
2. **Cho vay** là hình thức cấp tín dụng, theo đó Quỹ giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích đầu tư trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
3. **Thời hạn cho vay** là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo của ngày Quỹ giải ngân vốn vay cho đến thời điểm khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của Quỹ và khách hàng.
4. **Thời gian ân hạn** là khoảng thời gian tính từ khi Quỹ giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian ân hạn, khách hàng chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký.

**5. Kỳ hạn trả nợ** là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã thỏa thuận mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó khách hàng phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ.

**6. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ** là việc Quỹ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với các khoản nợ vay của khách hàng theo hai phương thức như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

**7. Khả năng tài chính của khách hàng** là khả năng về vốn, tài sản, các nguồn tài chính hợp pháp khác của khách hàng.

**8. Hợp đồng tín dụng** là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa Quỹ với khách hàng về nội dung cho vay vốn tín dụng để thực hiện đầu tư dự án.

**9. Bán nợ** là việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó Quỹ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận thanh toán từ bên mua nợ.

**10. Cho vay hợp vốn** là Quỹ và các tổ chức tín dụng, các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

**11. Ủy thác cho vay** là việc Quỹ ủy thác hoạt động cho vay cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Quyền tự chủ của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình**

1. Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình có quyền tự chủ trong hoạt động cho vay và tự chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động cho vay của Quỹ.

2. Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình có quyền từ chối các yêu cầu của khách hàng không đúng với quy định tại Quy chế này và thỏa thuận cho vay.

#### **Điều 5. Đối tượng và điều kiện cho vay**

1. Khách hàng thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành theo quy định.

b) Không là công ty con của Quỹ.

c) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Khách hàng thuộc đối tượng cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, khách hàng có khả năng trả được nợ vay.

c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

d) Khách hàng mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

### **Điều 6. Nguyên tắc cho vay**

1. Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng phù hợp với Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm cả pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khách hàng vay vốn tại Quỹ phải chấp hành đúng các thỏa thuận với Quỹ; sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

### **Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

### **Điều 8. Mức cho vay**

Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình căn cứ vào Dự án đầu tư, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của Quỹ để thỏa thuận với khách hàng về mức cho vay.

### **Điều 9. Thời hạn cho vay và thời gian ân hạn**

1. Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án đầu tư trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp thời hạn vay trên 15 năm, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thời gian ân hạn do Quỹ quyết định đối với từng dự án cụ thể, đảm bảo phù hợp với thời gian đầu tư, triển khai hoạt động của dự án.

## **Điều 10. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

2. Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND tỉnh ban hành theo quy định. Lãi suất cho vay đối với từng dự án có thể được điều chỉnh theo từng thời kỳ trong thời gian vay vốn.

4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả.

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả tối đa không quá 10%/năm tính theo số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

5. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

## **Điều 11. Phí liên quan đến hoạt động cho vay**

1. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về việc thu các khoản phí liên quan đến hoạt động cho vay, gồm:

- a) Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.
- b) Phí chuyển tiền giải ngân.
- c) Phí thu xếp cho vay hợp vốn.
- d) Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.
- e) Các loại phí khác liên quan đến hoạt động cho vay theo quy định.

2. Mức phí cụ thể được áp dụng theo từng trường hợp và được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và khách hàng.

### **Điều 12. Giới hạn cho vay**

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của quy chế này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

### **Điều 13. Loại cho vay**

Quỹ xem xét, quyết định cho khách hàng vay theo các loại cho vay như sau:

1. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 năm.
2. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 năm và tối đa 05 năm.
3. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 năm.

### **Điều 14. Phương thức cho vay.**

Quỹ và khách hàng thỏa thuận việc áp dụng các phương thức cho vay như sau:

1. Cho vay trực tiếp: Quỹ cho khách hàng vay vốn thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Ủy thác cho vay: Quỹ ủy thác cho vay cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện thông qua văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác. Việc ủy thác cho vay được thực hiện theo Điều 16 Quy chế này.

3. Cho vay hợp vốn: Quỹ làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng và tổ chức khác cho vay dự án. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo Điều 15 Quy chế này.

N  
ỦY  
PHÁT  
H B  
\*

**Điều 15. Cho vay hợp vốn**

1. Dự án cho vay hợp vốn phải thuộc đối tượng cho vay của Quỹ đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay, thời hạn và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 5, Điều 9 và Điều 12 Quy chế này.

2. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

3. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

**Điều 16. Ủy thác cho vay**

1. Quỹ được ủy thác hoạt động cho vay và thu hồi nợ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện.

2. Các tổ chức được Quỹ ủy thác cho vay phải thực hiện cho vay đúng đối tượng cho vay của Quỹ, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay, thời hạn và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 5, Điều 9 và Điều 12 Quy chế này.

3. Các tổ chức nhận ủy thác cho vay được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

**Điều 17. Nhận ủy thác cho vay**

1. Quỹ được nhận ủy thác cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách Nhà nước, các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Việc nhận ủy thác cho vay của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác cho vay ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác cho vay bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

e) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

f) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.



3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác cho vay của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

**Điều 18. Hồ sơ vay vốn**

Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho Quỹ bộ hồ sơ được quy định tại Quy trình hướng dẫn hồ sơ và thẩm định các dự án vay vốn do Quỹ ban hành, gồm:

- a) Giấy đề nghị vay vốn.
- b) Hồ sơ pháp lý, tài chính của khách hàng.
- c) Hồ sơ của dự án.
- d) Hồ sơ tài sản bảo đảm tiền vay.
- e) Hồ sơ khác (nếu có).

**Điều 19. Thẩm định dự án và xét duyệt cho vay**

1. Thẩm định dự án:

a) Thẩm định lần đầu

- Quỹ tổ chức xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay của dự án và khách hàng để trình cấp có thẩm quyền quyết định cho vay hoặc không cho vay theo quy định.

- Thời gian thẩm định:

+ Các dự án cho vay thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ quyết định: Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ quyết định và thông báo việc cho vay hoặc từ chối cho vay.

+ Các dự án cho vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc Quỹ: Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ khi Quỹ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định cho vay hoặc từ chối cho vay.

- Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư lớn, các chỉ tiêu tính toán khả năng hiệu quả kinh tế phức tạp hoặc do nguyên nhân khách quan, thời gian thẩm định có thể tăng thêm nhưng không quá 1,5 lần thời gian quy định nêu trên.

b) Tái thẩm định dự án

Quỹ xem xét, quyết định thực hiện tái thẩm định dự án trong các trường hợp sau:

- Dự án có thay đổi so với quyết định đầu tư đã được phê duyệt.
- Sau thời hạn 12 tháng kể từ khi Quỹ có quyết định cho vay nhưng dự án chưa được triển khai thực hiện hoặc chưa giải ngân.
- Các trường hợp khác do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở đề xuất của khách hàng và ý kiến tham mưu của phòng chuyên môn.



## 2. Xét duyệt cho vay

Quỹ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ và lập báo cáo thẩm định, trình cấp có thẩm quyền cho vay xem xét, quyết định.

- Trường hợp quyết định cho vay thì Quỹ cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay;

- Trường hợp từ chối cho vay thì thông báo cho khách hàng biết và nêu rõ lý do từ chối cho vay.

### **Điều 20. Cung cấp thông tin**

1. Quỹ Đầu tư Phát triển Ninh Bình có trách nhiệm cung cấp cho khách hàng đầy đủ các thông tin trước khi xác lập Hợp đồng tín dụng: Lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay.

2. Khách hàng cung cấp thông tin cho Quỹ Đầu tư Phát triển Ninh Bình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các tài liệu gửi cho Quỹ:

a) Các tài liệu quy định tại Điều 18 Quy chế này.

b) Báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng.

c) Các tài liệu để chứng minh việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

### **Điều 21. Thẩm quyền quyết định cho vay**

1. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Giám đốc Quỹ quyết định.

2. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay do UBND tỉnh quyết định.

### **Điều 22. Bảo đảm tiền vay**

Khi vay vốn, khách hàng thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định tại Quy chế bảo đảm tiền vay của Quỹ và quy định của pháp luật.

**Điều 23. Trả nợ gốc và lãi tiền vay**

1. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ gốc và lãi tiền vay như sau:

- a) Trả nợ gốc, lãi tiền vay theo kỳ hạn riêng.
- b) Trả nợ gốc, lãi tiền vay trong cùng một kỳ hạn.

2. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về việc trả nợ trước hạn, phí trả nợ trước hạn (nếu có).

3. Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Quỹ thực hiện thu theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

**Điều 24. Các loại Hợp đồng theo phương thức cho vay**

1. Trường hợp Quỹ cho vay trực tiếp

a) Hợp đồng tín dụng được Quỹ và khách hàng thỏa thuận cho vay, phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và được lập theo mẫu thống nhất do Quỹ ban hành, gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên, địa chỉ của Quỹ, khách hàng vay vốn.
- Địa điểm, thời điểm ký Hợp đồng tín dụng.
- Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn ân hạn (nếu có), kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ mỗi kỳ hạn.
- Đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ; việc trả nợ gốc, lãi và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn...
- Lãi suất cho theo tỷ lệ %/năm; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; loại phí liên quan đến khoản vay và mức phí áp dụng;
- Mục đích sử dụng vốn vay.
- Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay.
- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; hình thức và nội dung thông báo chuyển nợ quá hạn.
- Trách nhiệm của khách hàng trong việc phối hợp với Quỹ và cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay để Quỹ thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.
- Các trường hợp chấm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ trước hạn khi Quỹ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình thức và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn.

HÌNH



- Hình thức bảo đảm tiền vay.
- Xử lý nợ vay; phạt vi phạm bồi thường, thiệt hại; Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Những thỏa thuận khác được các bên thỏa thuận theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Hiệu lực của hợp đồng.

b) Khi có sự thay đổi nội dung trong Hợp đồng tín dụng, hai bên sẽ thỏa thuận và thống nhất điều chỉnh bằng văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng. Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng là một bộ phận của Hợp đồng tín dụng.

## 2. Trường hợp Quỹ ủy thác cho vay

Các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách được Quỹ ủy thác cho vay thực hiện lập Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định của bên nhận ủy thác

## 3. Trường hợp cho vay Hợp vốn

Hợp đồng hợp vốn do các thành viên tham gia hợp đồng thỏa thuận nhưng phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ, người đại diện pháp luật của các thành viên tham gia hợp vốn;
- b) Thông tin chủ yếu về khách hàng và dự án cho vay.
- c) Điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay.
- d) Loại cho vay; tổng số tiền cho vay hợp vốn; mức cho vay của từng thành viên tham gia hợp vốn; lãi suất cho vay đối với từng khoản vay.
- đ) Hình thức giải ngân, thu nợ lãi và gốc của các khoản cho vay hợp vốn.
- e) Tài sản đảm bảo và quản lý tài sản đảm bảo; cơ chế xử lý tài sản đảm bảo khi khách hàng không trả nợ đúng hạn.
- f) Quyền và nghĩa vụ của các thành viên tham gia cho vay hợp vốn.
- g) Hình thức xử lý rủi ro trong quá trình cho vay hợp vốn; Giải quyết bất đồng giữa các thành viên tham gia cho vay hợp vốn.
- h) Cơ chế kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay hợp vốn.

## **Điều 25. Giải ngân vốn vay**

### 1. Điều kiện giải ngân.

a) Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã được Quỹ và khách hàng ký kết; Hoàn thành các thủ tục về tài sản bảo đảm, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, Hồ sơ tài sản bảo đảm được nhập kho theo quy định.

b) Hồ sơ giải ngân tuân thủ theo quy định và hướng dẫn của Quỹ.

## 2. Nguyên tắc giải ngân

a) Trên cơ sở đề nghị của khách hàng theo tiến độ của dự án và mục đích sử dụng tiền vay Quỹ thực hiện giải ngân cho khách hàng.

b) Tổng số tiền giải ngân không vượt quá số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

## 3. Phương thức giải ngân

a) Tạm ứng: là hình thức mà Quỹ ứng trước cho khách hàng một khoản tiền để khách hàng tạm ứng cho nhà thầu/nhà cung cấp để thực hiện dự án.

b) Thanh toán hồi tố: là hình thức mà Quỹ giải ngân cho khách hàng để bù đắp các khoản chi của dự án đã được khách hàng thanh toán cho nhà thầu/nhà cung cấp.

c) Thanh toán trực tiếp: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của khách hàng, Quỹ sẽ chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/ nhà cung cấp.

## 4. Hồ sơ giải ngân

Khách hàng phải gửi đến Quỹ bộ hồ sơ giải ngân vốn vay gồm:

- Giấy đề nghị tạm ứng/Thanh toán hồi tố/Thanh toán trực tiếp.
- Các hồ sơ chứng minh đã hoàn thành xong thủ tục thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Các quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu/nhà cung cấp theo quy định của pháp luật hiện hành; Hợp đồng kinh tế và các tài liệu khác kèm theo.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán; Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng; Hóa đơn của nhà thầu/nhà cung cấp (Trừ trường hợp tạm ứng).
- Các hồ sơ khác (nếu có).

## 5. Quy trình giải ngân

a) Sau khi khách hàng gửi hồ sơ giải ngân, Quỹ tiến hành kiểm tra hồ sơ giải ngân theo quy định:

- Trường hợp hồ sơ giải ngân còn thiếu, Quỹ yêu cầu khách hàng bổ sung;
- Trường hợp hồ sơ giải ngân đầy đủ, Quỹ tiến hành giải ngân.

b) Sau khi giải ngân, Quỹ và khách hàng lập 02 Giấy nhận nợ và lưu giữ theo đúng quy định.

## **Điều 26. Quản lý nợ vay**

### 1. Kiểm tra, giám sát định kỳ

a) Quỹ kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, và trả nợ của khách hàng theo đúng cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Kết quả kiểm tra được thể hiện trong biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay và được lưu vào hồ sơ tín dụng.

b) Kiểm tra sau giải ngân: Tối đa 15 ngày kể từ sau ngày giải ngân Quý tiến hành kiểm tra sử dụng vốn vay của khách hàng

c) Kiểm tra định kỳ (tình hình hoạt động của khách hàng và dự án Quý cho vay): 06 tháng/lần kể từ thời điểm bắt đầu giải ngân.

## 2. Theo dõi, thu hồi nợ vay

a) Đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng), khách hàng có trách nhiệm chủ động trả nợ theo thông báo trả nợ của Quý.

b) Trường hợp khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, trên cơ sở đề nghị của khách hàng Quý xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 27 hoặc chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này.

c) Quý chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Quý chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; thông báo cho khách hàng về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

## **Điều 27. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ**

### 1. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Việc cơ cấu lại thời gian trả nợ được thực hiện trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quý và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quý đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì được cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được đánh giá là có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì được cấp có thẩm quyền xem xét cho gia hạn nợ với thời gian phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

## 2. Bán nợ.

Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

### **Điều 28. Chấm dứt cho vay và xử lý nợ, miễn, giảm lãi tiền vay, phí**

1. Quỹ có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật.

b) Khách hàng vi phạm quy định trong hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, Quỹ phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

2. Trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì Quỹ có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì khách hàng có trách nhiệm tiếp tục trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Quỹ đối với khách hàng, bên bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Quỹ Đầu tư Phát triển Ninh Bình có quyền quyết định miễn, giảm lãi tiền vay, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Quỹ.

### **Điều 29. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro**

Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

### **Điều 30. Xử lý rủi ro, thẩm quyền xử lý rủi ro**

1. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Khách hàng bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

D  
Q  
ĐẦU TƯ  
NINH  
1/7

b) Khách hàng bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

d) Khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến khách hàng không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Khách hàng có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

2. Việc xử lý rủi ro, thẩm quyền xử lý rủi ro được thực hiện theo Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ.

### **Điều 31. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

1. Quỹ và khách hàng có thể thỏa thuận về việc phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật đối với trường hợp một trong các bên không thực hiện và/hoặc thực hiện không đúng nội dung trong thỏa thuận vay trừ trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 10 Quy chế này.

2. Trường hợp Quỹ và khách hàng có thỏa thuận về việc phạt vi phạm và/hoặc bồi thường thiệt hại thì nội dung đó phải được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có), tối thiểu bao gồm các trường hợp vi phạm mà các bên sẽ bị phạt và/hoặc phải bồi thường thiệt hại; mức phạt vi phạm và/hoặc mức bồi thường thiệt hại.

### **Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ**

1. Quyền của Quỹ

a) Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu của dự án đầu tư, tình hình thực hiện dự án đầu tư, các tài liệu chứng minh khả năng tài chính và khả năng quản lý để thực hiện dự án của mình, tài liệu về việc thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy (Người đại diện theo pháp luật, cổ đông sáng lập, cổ đông/thành viên góp vốn ...) trước và trong quá trình vay vốn.

b) Từ chối đề nghị vay vốn của khách hàng nếu dự án đầu tư, khách hàng không đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật và của Quỹ.

c) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng trước, trong và sau giải ngân. Được quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản hình thành từ vốn vay, tài sản bảo đảm khác.

d) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng, Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến an



toàn tín dụng. Trường hợp cần thiết, Quỹ được khởi kiện khách hàng, Bên bảo đảm về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

e) Được phối hợp với các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật trong công tác quản lý, cho vay và thu hồi nợ.

f) Được áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý đối với các khoản vay sử dụng sai mục đích, khách hàng chậm quyết toán công trình hoàn thành theo quy định; chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định.

g) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay và của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

h) Xử lý rủi ro theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực và minh bạch trong các đề xuất xử lý rủi ro trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

i) Yêu cầu khách hàng sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của khách hàng để trả nợ gốc, lãi tiền vay, các khoản phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

j) Các quyền khác được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

## 2. Nghĩa vụ của Quỹ

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, phù hợp với các quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

b) Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

c) Thực hiện quy định về bảo mật thông tin đối với khách hàng.

d) Các nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

## **Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng**

### 1. Quyền của khách hàng

a) Được yêu cầu giải ngân vốn vay theo quy định.

b) Từ chối yêu cầu của Quỹ không đúng với các quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

c) Các quyền khác được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

### 2. Nghĩa vụ của khách hàng

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng yêu cầu của Quỹ các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sử dụng vốn vay và tài



sản bảo đảm tiền vay, tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng; thông báo những thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ liên lạc, người điều hành, cơ cấu tổ chức bộ máy (nhân sự chủ chốt, cổ đông sáng lập, cổ đông/ thành viên góp vốn), người liên quan, vốn, tài sản, địa điểm sản xuất kinh doanh, người bảo lãnh (nếu có); chịu trách nhiệm trước pháp luật và Quỹ về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, thực hiện đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

c) Trả nợ gốc và lãi tiền vay và các khoản phí (nếu có) theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

d) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của Quỹ.

e) Bàn giao tài sản, phối hợp với Quỹ để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật.

f) Sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ thì khách hàng phải có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc, lãi tiền vay cho Quỹ và bổ sung các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

g) Không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ để bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của khách hàng, của bên thế chấp (trừ trường hợp được Quỹ đồng ý bằng văn bản).

h) Mua và duy trì bảo hiểm đối với các tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

i) Cung cấp cho Quỹ hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính năm (thời hạn nộp trước ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, hợp pháp của các báo cáo gửi đến Quỹ.

j) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay.

k) Các nghĩa vụ khác được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 34. Báo cáo, thanh tra, kiểm tra**

1. Quỹ có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, UBND tỉnh, Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh.

2. Hoạt động cho vay và thu hồi nợ của Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 35. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQL ngày 09/7/2015 của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.

#### **Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các Hợp đồng tín dụng đã ký hợp đồng trước ngày Quy chế này có hiệu lực, Quỹ, khách hàng và các bên liên quan tiếp tục thực hiện theo các cam kết, các quyền hạn và trách nhiệm ghi trong hợp đồng đã ký. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng tín dụng thì thực hiện theo quy định của Quy chế này.

#### **Điều 37. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế này cho phù hợp với quy định của Nhà nước. Quỹ nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

#### **Điều 38. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, các phòng nghiệp vụ thuộc Quỹ và khách hàng vay vốn, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Căn cứ Quy chế này và các quy định của văn bản pháp luật có liên quan Giám đốc Quỹ ban hành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể phù hợp với điều kiện, đặc điểm, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ./.

